

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM T BẮC
TỈNH BÌNH T**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2024/DS-ST
Ngày: 29/7/2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM T BẮC, TỈNH BÌNH T**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thu Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Em
2. Ông Bùi Nhiên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Hàm T Bắc, tỉnh Bình T.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm T Bắc, tỉnh Bình T tham
gia phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Ngọc Hiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm T Bắc,
tỉnh Bình T, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số
153/2024/TLST – DS ngày 24 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét
xử số 90/2024/QĐXX-ST ngày 31 tháng 5 năm 2024, quyết định hoãn phiên tòa số
91/2024/QĐST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1987

Bà Lê Thị Q, sinh năm 1988

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Bình T.

Bị đơn: Ông Nguyễn Hoài V, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Bình T.

Bà V Thị Thanh T, sinh năm 1987

Địa chỉ: Khu phố 6, phường Đ, thành phố P, tỉnh Bình T.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên ông Nguyễn Văn H, bà Lê Thị Q trình bày:

Trước đây vợ chồng ông bà có quen biết với vợ chồng bị đơn ông Nguyễn Hoài V, bà V Thị Thanh T. Vào ngày 02/7/2019, vợ chồng ông bà có cho vợ chồng bị đơn vay tiền 02 lần, cụ thể:

– Ngày 02/7/2019, tại Văn phòng công chứng Phú Long, vợ chồng ông Nguyễn Hoài V, bà V Thị Thanh T đã vay số tiền 200.000.000 đồng, thời hạn vay 01 năm, lãi suất vay là 1.1%/tháng. Ông bà đã giao tiền cho vợ chồng ông V, bà T ngay sau khi ký hợp đồng, bà T đã có viết giấy tay xác nhận đã nhận đủ tiền. Sau đó, mỗi tháng vợ chồng bị đơn trả lãi đầy đủ cho vợ chồng bà.

– Ngày 14/10/2019, tại Văn phòng công chứng Trương Văn Cường, vợ chồng ông Nguyễn Hoài V, bà V Thị Thanh T tiếp tục vay số tiền 240.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng, lãi suất vay là 1%/tháng. Ông bà đã giao tiền cho vợ chồng ông V, bà T ngay sau khi ký hợp đồng.

Sau khi nhận số tiền 240.000.000 đồng, vợ chồng bà T, ông V không còn trả lãi như thỏa T, vợ chồng ông bà đã đòi nhiều lần nhưng bị đơn không trả vì còn đang nợ nần nhiều cá nhân khác. Do tình hình dịch bệnh Covid nên vợ chồng ông bà không có điều kiện khởi kiện.

Nay vợ chồng ông bà khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Hoài V, bà V Thị Thanh T phải trả số tiền 440.000.000 đồng tiền gốc đã vay, không yêu cầu tính lãi vì hiện nay họ đang gặp khó khăn.

Bị đơn ông Nguyễn Hoài V, bà V Thị Thanh T: Quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn đều vắng mặt không có lý do. Không có văn bản thể hiện ý kiến của bị đơn về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy, vụ án không tiến hành hòa giải được và Tòa án đưa vụ án ra xét xử công khai theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm T Bắc phát biểu ý kiến:

Về tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Đối với những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng, bị đơn thực hiện không đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ iều 280, Điều 351, Điều 463, Điều 466, khoản 1 Điều 468, khoản 2 Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 33 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc vợ chồng bị đơn liên đới trả nợ số tiền gốc 440.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền:

Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn khởi kiện buộc bị đơn trả nợ theo các hợp đồng vay tài sản. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bị đơn Nguyễn Hoài V có hộ khẩu thường trú tại xã Hàm Thắng, huyện Hàm T Bắc, còn bị đơn V Thị Thanh T có hộ khẩu thường trú tại khu phố 6, phường Đ, thành phố P, tỉnh Bình T và nguyên đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hàm T Bắc giải quyết nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm T Bắc theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm h khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp quy định của pháp luật tại Điều 227, 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả tổng số tiền 440.000.000 đồng theo hợp đồng vay tài sản ngày 02/7/2019 và hợp đồng vay tiền ngày 14/10/2019.

Nhận thấy, hợp đồng vay tài sản ngày 02/7/2019 giữa bên cho vay là bà Lê Thị Q với bên vay là ông Nguyễn Hoài V, bà V Thị Thanh T, số tiền vay 200.000.000 đồng, kỳ hạn 01 năm, lãi suất vay là 1.1%/tháng, hợp đồng này đã được công chứng tại Văn phòng công chứng Phú Long số 01323, quyển số 02/2019 TP/CC-SCC/HĐVTS; Hợp đồng vay tiền ngày 14/10/2019 giữa bên cho vay là ông Nguyễn Văn H, bà Lê Thị Q với bên vay là ông Nguyễn Hoài V, bà V Thị Thanh T, số tiền vay 240.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng, lãi suất vay là 1.0%/tháng, đã được Văn phòng công chứng Trương Văn Cương công chứng số 17499, quyển số 18TP/CC-SCC/HĐGD. Như vậy, giữa nguyên đơn và bị đơn đã xác lập các hợp đồng vay tiền trên cơ sở tự nguyện, mục đích, nội dung của hợp đồng không trái quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên 02 hợp đồng trên đã có hiệu lực pháp luật buộc các bên phải thực hiện. Do đó, đủ cơ sở xác định bị đơn đã vay của nguyên đơn số tiền 440.000.000 đồng.

Theo nội dung 02 hợp đồng trên thì hai bên có thỏa T thời hạn vay và lãi suất nên đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi theo khoản 2 Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015. Khi đến hạn trả nợ, ông H, bà Q đã đòi nhiều lần nhưng ông V, bà T không trả là xâm phạm đến quyền lợi hợp pháp của ông H, bà Q. Vì vậy, ông H, bà Q yêu cầu vợ chồng ông V, bà T trả 440.000.000 đồng tiền gốc là có căn cứ để chấp nhận.

Trong quá trình giải quyết, ông V Huy Sơn là cha ruột của bà T đã căn cứ vào “bảng tường trình” đề ngày 22/3/2020 của vợ chồng bà T, ông V để cho rằng vợ chồng bà T, ông V chỉ vay của vợ chồng ông H, bà Q số tiền 240.000.000 đồng và đã trả được 234.000.000 đồng. Bảng tường trình này không được phía nguyên đơn chấp nhận và chỉ là lời khai một phía của bị đơn. Ngoài tài liệu trên, ông Sơn không đưa ra được chứng cứ nào chứng minh cho lời trình bày của mình để bảo vệ quyền lợi cho vợ chồng con gái. Hơn nữa, vợ chồng bà T, ông V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng cố tình lẩn tránh, không có mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án là tự từ bỏ quyền lợi của mình trước yêu cầu của nguyên đơn cũng như không thực hiện nghĩa vụ mà pháp luật quy định. Vì vậy, lời trình bày của ông V Huy Sơn không có căn cứ để xem xét.

Đối với hợp đồng vay tài sản ngày 02/7/2019 tuy chỉ có một mình bà Lê Thị Q ký hợp đồng cho ông Nguyễn Hoài V, bà V Thị Thanh T vay 200.000.000 đồng nhưng số tiền này là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của ông H, bà Q theo quy định tại Điều 33 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên ông H, bà Q yêu cầu ông V, bà T trả cho ông H, bà Q là có căn cứ để chấp nhận.

Về lãi suất: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Do vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc 440.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận. Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm T Bắc được chấp nhận toàn bộ.

[3]. Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 280, Điều 351, Điều 463, Điều 466, khoản 1 Điều 468, khoản 2 Điều 470 Bộ luật dân sự;
- Điều 33 Luật hôn nhân và gia đình;
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H, bà Lê Thị Q:

Ông Nguyễn Hoài V, bà V Thị Thanh T phải liên đới trả số tiền 440.000.000 đồng cho vợ chồng ông Nguyễn Văn H, bà Lê Thị Q.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền trên thì hàng tháng phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian và số tiền còn phải thi hành án.

Về án phí:

Ông Nguyễn Văn H, bà Lê Thị Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả số tiền 15.808.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số 0013283 ngày 24/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm T Bắc.

Ông Nguyễn Hoài V, bà V Thị Thanh T phải liên đới chịu 21.600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tuyên án 29/7/2024. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng;
- VKS nhân dân huyện Hàm T Bắc;
- Cơ quan THADS huyện Hàm T Bắc;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thu Thúy

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thu Thúy

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng;
- VKS nhân dân huyện Hàm T. Bắc;
- Cơ quan THADS huyện Hàm T. Bắc;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thu Thúy

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thu Thúy

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng;
- VKS nhân dân huyện Hàm T. Bắc;
- Cơ quan THADS huyện Hàm T. Bắc;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thu Thúy

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thu Thúy

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng;
- VKS nhân dân huyện Hàm T. Bắc;
- Cơ quan THADS huyện Hàm T. Bắc;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thu Thúy

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thu Thúy

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng;
- VKS nhân dân huyện Hàm T. Bắc;
- Cơ quan THADS huyện Hàm T. Bắc;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thu Thúy

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thu Thúy

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng;
- VKS nhân dân huyện Hàm T. Bắc;
- Cơ quan THADS huyện Hàm T. Bắc;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thu Thúy

Nguyễn Văn Quân

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH BÌNH T Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thị xã Lagi, ngày 21 tháng 7 năm 2016

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH T
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Thái
- *Các thẩm phán:* Bà Trần Thị Ánh Tuyết và Bà Trần Thị Thiên Hương

Căn cứ vào các Điều 199; 222; 247 và khoản 2 Điều 248 Bộ luật tố tụng hình sự.

Ngày 26/7/2016, tại phòng nghị án Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành nghị án đối với vụ án Lê Bá Thủy phạm tội “Chứa mại dâm”.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và bị cáo tại phiên tòa; Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề phải giải quyết trong vụ án và quyết định như sau:

+ 3/3 ý kiến thống nhất:

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 248 Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Lê Bá Thủy, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 18/2016/HSST ngày 11/5/2016 của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh.

1. Tuyên bố: Bị cáo Lê Bá Thủy, phạm tội "Chứa mại dâm".

Áp dụng điểm p khoản 1 điều 46, khoản 1 Điều 254 Bộ luật hình sự xử phạt Lê Bá Thủy 18 tháng tù (được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam trước từ ngày 13/01/2016 đến ngày 14/03/2016) thời hạn tù tính từ ngày thi hành án.

2. Về biện pháp tư pháp:

- Áp dụng điểm đ khoản 2 điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy: 02 vỏ bao cao su, 3 bao cao su đã qua sử dụng, 5 bao cao su chưa sử dụng, 2 tuýt nhựa hiệu KY.

- Áp dụng điểm a khoản 1 điều 41 Bộ luật hình sự, điểm a khoản 2 điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu sung quỹ nhà nước 01 ĐTDĐ hiệu Viettel.

- Áp dụng điểm b khoản 1 điều 41 Bộ luật hình sự, điểm c khoản 2 điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu sung quỹ nhà nước 750.000 đồng

- Áp dụng điểm b khoản 2 điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự, trả lại cho Lê Bá Thủy 3 hộp bao cao su và 310.000 đồng. Tuy nhiên cần tạm giữ số tiền 310.000 đồng để đảm bảo thi hành án.

3. Về án phí:

Áp dụng khoản 1, 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 22; khoản 1 Điều 23 Pháp lệnh án phí, lệ phí tòa án của UBTVQH 12 ngày 27/02/2009;

Buộc Lê Bá Thủy phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 26/7/2016

+ **Các ý kiến khác không đồng ý:** Không có

Biên bản lập xong cùng ngày. Chủ tọa phiên tòa đọc lại cho Hội đồng xét xử phúc thẩm nghe, công nhận đúng và cùng thống nhất ký tên:

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thanh Thái